

# Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tại Việt Nam

 Th.S. Mai Thị Bạch Tuyết\*

Nhận: 24/04/2023

Biên tập: 25/04/2023

Duyệt đăng: 25/05/2023

## Tóm tắt

Vấn đề tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả hoạt động kinh doanh do chính công ty mình làm ra luôn được tất cả các doanh nghiệp (DN) quan tâm hàng đầu. Đối với DN dịch vụ nói riêng, việc tiêu thụ các sản phẩm dịch vụ là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của DN. Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh ra đời, như một công cụ hữu hiệu giúp các nhà quản trị có thể hoạch định chiến lược một cách rõ ràng hơn trong việc tiêu thụ, hạch toán và quản lý các chi phí, kiểm soát giá vốn... Từ đó, có những quyết định đúng đắn trong kinh doanh và đưa DN phát triển hơn nữa.

**Từ khóa:** kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

## Abstract

The most matter that the companies take care of is selling their products and the result of its business. The most important factor decides to the companies's exist and develop is services and products consumption. Income summary accounting's establishment is as an effective tools to assist the managers to manage an affair cleverly such as: controlling the expenses, COGS, booking entries, etc.. To get correctly decision in business and let it further grows up.

**Keywords:** income summary accounting, products consumption.

**JEL Classifications:** M40, M41, M49.

**DOI:**

## 1. Đặt vấn đề

Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh là một công việc rất quan trọng trong hệ thống kế toán của DN. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong DN đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời, thông tin về kết quả kinh doanh của DN là rất quan trọng, vì căn cứ vào đó các nhà quản lý mới có thể biết được quá trình sản xuất kinh doanh của DN mình có đạt được hiệu quả hay không và lãi lỗ như thế nào? Từ đó, định hướng phát triển trong tương lai. Vì vậy, để thấy được tầm quan trọng của kế toán bán hàng và xác định kết

quả kinh doanh, tác giả đã chọn đề tài: “Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh cho các DN dịch vụ tại Việt Nam.”

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Một số khái niệm về kế toán dịch vụ

**Kế toán dịch vụ:** là công việc ghi chép, xử lý số liệu, thu thập và cung cấp các thông tin về hoạt động tài chính của DN dịch vụ. Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị kế toán là tổ chức lao động kế toán để áp dụng các phương pháp kế toán nhằm thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của đơn vị.

**Khái niệm tiêu thụ và phương thức tiêu thụ:** tiêu thụ là quá trình cung cấp sản phẩm cho khách hàng và thu được tiền hàng hoặc khách hàng chấp nhận thanh toán.

**Khái niệm kết quả kinh doanh:** kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN trong một kỳ kế toán nhất định hay kết quả kinh doanh là biểu hiện bằng tiền phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì kết quả bán hàng là lãi, doanh thu nhỏ hơn chi phí thì kết quả bán hàng là lỗ.

### 2.2. Công việc của kế toán tổng hợp dịch vụ

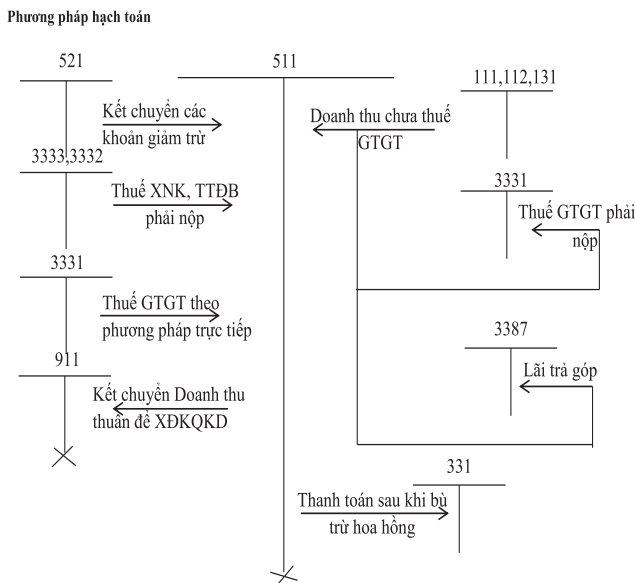
#### 2.2.1. Kế toán tiêu thụ thành phẩm

- Kế toán doanh thu bán hàng

+ Khái niệm: doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế DN đã thu được hoặc sẽ thu được.

\*Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

Sơ đồ 1: Sơ đồ chữ T tài khoản 511



(Nguồn: Sách Tài liệu học tập Kế toán tài chính 1, 2, 3)

+ Chứng từ sử dụng: hóa đơn bán hàng; phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; và phiếu thu, giấy báo có, ủy nhiệm thu...

+ Tài khoản (TK) sử dụng: TK 511.

++ 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.1. Kế toán giá vốn

Sử dụng 03 phương pháp xuất kho để xác định cho phù hợp như FIFO, bình quân gia quyền, thực tế đích danh.

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý DN

Chi phí quản lý DN là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh toàn DN.

2.2.2.4. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà DN không dự đoán trước được hoặc có dự đoán, nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc những khoản thu không mang tính chất thường xuyên. Các khoản thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng. Các khoản nợ khó đòi, đã xử lý xóa sổ nay thu hồi được...

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh mà DN không dự toán trước được hoặc là những khoản chi phí không mang tính chất thường xuyên. Các khoản chi phí khác thường bao gồm: giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý nhượng bán; chi phí

phát sinh khi thanh lý nhượng bán tài sản cố định và các khoản chi phí bị phạt do vi phạm hợp đồng...

2.2.2.6. Kế toán thuế thu nhập DN hiện hành

- Hàng quý, DN lập tờ khai thuế thu nhập DN (TNDN) tạm tính, căn cứ vào số thuế TNDN tạm phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có 3334 – Thuế TNDN phải nộp

- Cuối năm, xác định số thuế TNDN thực tế phải nộp của năm tài chính đó và tiến hành so sánh với số thuế TNDN tạm tính phải nộp.

2.2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu:

Nợ 511 – Doanh thu cung cấp lao vụ dịch vụ

Có 5211 – Chiết khấu thương mại

Có 5212 – Hàng bán bị trả lại

Có 5213 – Giảm giá hàng bán

- Kết chuyển doanh thu thuần và các khoản doanh thu khác (tổng thu):

Nợ 5113, – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Nợ 515, 711 – Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

Có 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Kết chuyển giá vốn, chi phí (tổng chi):

Nợ 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có 632, 641, 642 – Giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN

Có 635, 811 – Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.

+ Nếu tổng thu > tổng chi -> lãi

Thuế TNDN phải nộp = (tổng thu – tổng chi) \* thuế suất thuế TNDN

Nợ 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có 3334 – Thuế TNDN phải nộp

- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành:

Nợ 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có 8211 – Chi phí Thuế TNDN hiện hành

- Kết chuyển lãi sau thuế:

Nợ 911		(Tổng thu – Tổng chi –
Có 421		Thuế TNDN phải nộp)

+ Nếu Tổng thu < Tổng chi -> Lỗ

- Kết chuyển lỗ:

Nợ 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Có 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

3. Phương pháp nghiên cứu

**Phương pháp luận:** trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật, biện chứng, nghiên cứu các

vấn đề lý luận cũng như thực tế có liên quan một cách hệ thống.

**Phương pháp thu thập thông tin:** tìm kiếm nguồn thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1. Thực trạng công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại các DN dịch vụ Việt Nam**

**4.1.1. Quy định pháp lý về kế toán dịch vụ**

Hoạt động dịch vụ theo thông lệ quốc tế:

- Theo hệ thống chuẩn mực quốc tế quy định kế toán doanh thu chi phí hoạt động dịch vụ được hướng dẫn chủ yếu trong: IFRS 15: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế số 15 (International Financial Reporting Standards – IFRS); IAS 2: Chuẩn mực Kế toán quốc tế số 2 (International Accounting Standards - IAS).

- Hoạt động dịch vụ theo quy định của Việt Nam: Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - (VAS Vietnamese Accounting Standards) với Chuẩn mực hàng tồn kho VAS 02; Chuẩn mực doanh thu, Thu nhập khác VAS 14.

- Chế độ Kế toán Việt Nam: TT 200/2014/TT-BTC và TT 133/2016/TT-BTC.

**4.1.2. Đặc điểm, nguyên tắc hạch toán tại DN kinh doanh dịch vụ**

- Đặc điểm: kinh doanh dịch vụ là ngành kinh doanh sản phẩm vô hình, chất lượng khó đánh giá vì chịu nhiều yếu tố tác động từ người bán, người mua và thời điểm chuyển giao dịch vụ đó, rất nhiều loại hình dịch vụ phụ thuộc vào thời vụ.

- Phân loại theo tính chất của hoạt động: dịch vụ sản xuất là dịch vụ vận tải, may đo, ăn uống công cộng và dịch vụ phi sản xuất như dịch vụ bưu điện, du lịch, vui chơi giải trí, nhiếp ảnh...

- Theo lĩnh vực sử dụng: dịch vụ thương mại gồm tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quảng cáo, marketing, tư vấn pháp luật, bán hàng, dịch vụ du lịch khách sạn...; dịch vụ sản xuất gồm tư vấn kỹ thuật, cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, sửa chữa lắp đặt, cho thuê thiết bị...

**4.1.3. Đối tượng tập hợp chi phí**

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong hoạt động kinh doanh dịch vụ là từng hoạt động dịch vụ.

**4.1.4. Tổ chức hệ thống chứng từ sử dụng, sổ sách sử dụng, tài khoản sử dụng**

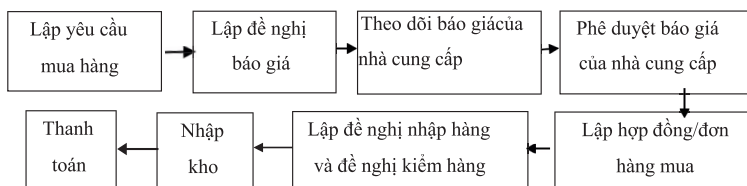
- Tổ chức hệ thống chứng từ: Chế độ chứng từ kế toán ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thì các chứng từ kế toán công ty sử dụng chủ yếu:

- + Chứng từ tiền mặt: phiếu thu, phiếu chi.
- + Chứng từ lao động tiền lương: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.
- + Chứng từ hàng tồn kho: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- + Chứng từ tài sản cố định: biên bản giao nhận tài sản cố định, biên bản thanh lý tài sản cố định.
- + Chứng từ tiền gửi ngân hàng: giấy báo có, giấy báo nợ, giấy đề nghị thanh toán.
- + Chứng từ bán hàng: hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng...

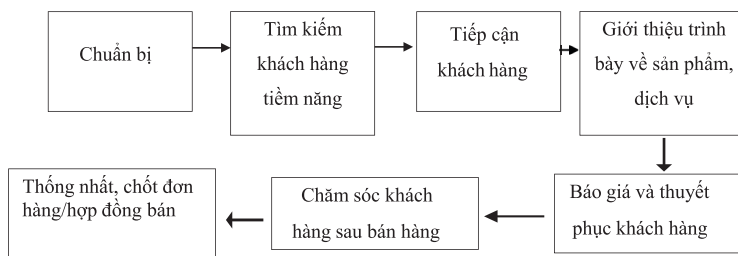
- Quy trình luân chuyển chứng từ của công ty dịch vụ, Sơ đồ 2.

**Sơ đồ 2: Quy trình luân chuyển chứng từ của công ty dịch vụ**

*Quy trình mua vào:*



*Quy trình bán ra:*



- Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán  
+ DN chọn 1 trong các hình thức sổ kế toán áp dụng phù hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN: hình thức sổ nhật ký chung, nhật ký sổ cái, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ và được thực hiện trên máy bằng các phần mềm kế toán phù hợp.

+ Các sổ phổ biến: sổ kho chế biến; sổ chi tiết tài khoản; sổ cái các tài khoản.

- Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán được áp dụng theo Chế độ kế toán ban hành theo TT 200/2014/TT - BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Theo phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho theo 02 phương pháp kê khai thường xuyên và theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

+ TK 611: mua hàng.

+ TK 631: giá thành sản xuất.

**4.1.5. Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí kinh doanh dịch vụ và tính giá thành dịch vụ**

- Nội dung: chi phí kinh doanh dịch vụ là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của DN, để tạo ra sản phẩm, lao vụ phục vụ khách hàng. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung.

- Kết chuyển chi phí sản xuất chung, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp sang 154 để tính giá thành dịch vụ:

Nợ 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

Có 621 – Chi phí NVL trực tiếp

Có 622 – Chi phí NC trực tiếp

Có 627 – Chi phí sản xuất chung

- Phản ánh doanh thu dịch vụ:

Nợ 111, 112, 131 – Tiền mặt, TGNH, Phải thu của khách hàng

Có 5113 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có 3331 – Thuế GTGT đầu ra

- Phản ánh giá vốn:

Nợ 632 – Giá vốn hàng bán

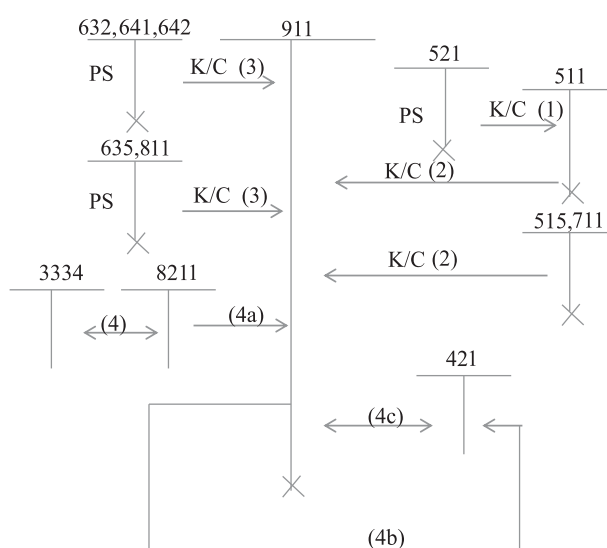
Có 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

**4.1.6. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh dịch vụ**

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng DN.

**4.1.7. Trình tự tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh dịch vụ**

Sơ đồ 3: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



(Nguồn: Tài liệu "Học tập kế toán tài chính 1,2,3" và các trang web DN dịch vụ)

**4.2. Những khó khăn kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong DN kinh doanh dịch vụ**

*Về chính sách và chiến lược của công ty:* mặc dù, công ty đã có chiết khấu cho khách hàng nhưng vẫn chưa thực sự phù hợp. Đây cũng là một nguyên nhân làm ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hóa, nhất là trong điều kiện trên thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

*Về khó khăn trong việc thiết lập định lượng món ăn, tổng hợp phân bổ chi phí đối với dịch vụ nhà hàng:* việc thiết lập định lượng món ăn khiến kế toán thường mất nhiều thời gian và dễ gặp phải sai lệch trong quá trình xây dựng giá thành theo món ăn. Do vậy, kế toán cần có một công cụ tự động cho phép khai báo định mức nguyên vật liệu sản xuất cho từng thành phẩm và tự động phân bổ chi phí, nhằm giúp DN nắm bắt kịp thời doanh thu và tiết kiệm chi phí.

*Về theo dõi chính sách giá, chính sách chiết khấu khác nhau cho các nhóm khách hàng, hàng hóa dịch vụ*

*Về giá thành dịch vụ, chứng từ sổ sách kế toán:* giá thành của món ăn được xây dựng dựa trên nhiều yếu tố như nguyên vật liệu chế biến theo định lượng, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung... Hiện chưa có công thức cụ thể để tính toán chính xác giá phòng, nhưng đa phần hiện nay các khách sạn đang áp dụng các phương pháp theo cảm tính thị trường, quy luật ngón tay cái.

*Về quản lý công nợ, quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng:* còn yếu kém, chưa thực hiện tốt chiến

lược marketing nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, tiết kiệm chi phí.

### 4.3. Giải pháp hoàn thiện

*Thứ nhất, hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán tại các công ty dịch vụ:* bộ máy kế toán luôn giữ một vị trí vô cùng quan trọng, đảm bảo trong sự phát triển cũng như những quyết định của các nhà quản lý. Bởi, đây chính là bộ máy cung cấp những thông tin một cách chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động của DN. Do đó, trong hoạt động của DN, bộ máy kế toán là bộ phận cần được lưu tâm hàng đầu. Tăng cường đào tạo, nâng cao bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ người lao động.

*Thứ hai, hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ kế toán, tổ chức lưu chứng từ hợp lý, hợp lệ, hợp pháp, rõ ràng và minh bạch:* kế toán viên cần phải đảm bảo luân chuyển đúng cách và chính xác; kiểm tra tính chính xác của chứng từ; hoàn thiện chứng từ để luân chuyển chứng từ; tiến hành luân chuyển chứng từ kế toán và ghi sổ kế toán; bảo quản và lưu trữ chứng từ.

*Thứ ba, công tác tiêu thụ và các chính sách áp dụng của công ty:* xây dựng chính sách sản phẩm; xây dựng chính sách về giá; tiết kiệm chi phí. Cần phải xác định những món ăn, dịch vụ đầu ra của nhà hàng và xây dựng định mức nguyên vật liệu và giá thành của từng món ăn, dịch vụ chi tiết, đầy đủ. Đặc biệt, với những nhà hàng có nhiều thành phẩm, dịch vụ xuất ra thì đây là một khâu khá là “vất vả”, bởi vậy đòi hỏi một sự tỷ mỉ và chịu khó.

*Thứ tư, nâng cao chất lượng phần mềm:* khắc phục việc mất dữ liệu do mất điện hoặc lỗi phần cứng của máy tính. Công ty có thể cài đặt chức năng ghi dữ liệu ngay khi nhập dữ liệu vào phần mềm hoặc có các biện pháp lưu dữ liệu phòng bị.

*Thứ năm, về tình hình quản lý nhập xuất tồn kho tại công ty dịch vụ:* kế toán tại các công ty dịch vụ nhà hàng, khách sạn cần thực hiện tốt công tác quản lý tình hình nhập, xuất tồn kho hiệu quả, có thể kể đến các công việc như: lập danh mục kho hàng quản lý thuận tiện nhất cho hoạt động của khách sạn/resort. Xây dựng kho tổng là kho hàng hóa chuyển bán (hàng nhập vào – xuất ra) cho hoạt động của khách sạn, nhà nghỉ; kho bù phòng (chứa các mặt hàng dùng cho từng phòng như chăn, ga, gối, khăn tắm, bàn chải đánh răng...); kho minibar (chứa các mặt hàng bán trong minibar); kho nhà hàng (các mặt hàng chuyển bán cho bộ phận nhà hàng); kho tài sản nhà hàng (bàn, ghế, bát đĩa...); kho bếp (các mặt hàng về nguyên vật liệu dùng để pha chế).

*Thứ sáu, theo dõi công nợ khách hàng hiệu quả:* DN nên cài đặt phần mềm quản lý khách hàng hiệu quả CRM, giữ chân khách hàng, chính sách thu hút khách hàng mới, duy trì khách hàng trung thành với thương hiệu dịch vụ.

*Thứ bảy, tăng cường chiến lược marketing mix cho DN dịch vụ:* nhằm tăng doanh thu và tăng lợi nhuận cho DN cần: xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ; định giá dịch vụ, gói dịch vụ, quản trị con người trong kinh doanh dịch vụ; lựa chọn kênh phân phối dịch vụ phù hợp; tăng cường các kênh truyền thông marketing trong kinh doanh dịch vụ; tăng cường cải tiến và đầu tư cho cơ sở vật chất nâng cao chất lượng dịch vụ.

### Kết luận

Lợi nhuận được xem là yếu tố sống còn của DN, muốn tồn tại trong thị trường hiện nay DN phải thật sự quan tâm đến công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, nhằm đưa doanh thu đạt mức cao và giảm thiểu chi phí xuống mức thấp...

Nâng cao chất lượng thông tin kế toán thông qua hạch toán kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của nhà quản trị. Ngoài ra, nó góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, thúc đẩy lưu chuyển hàng hoá quay vòng nhanh mang lại lợi nhuận cao. Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức, nhân viên trong phòng kế toán cũng cần nâng cao chuyên môn để nhanh chóng cập nhật thông tin, hoàn thiện công tác kế toán. ■

### Tài liệu tham khảo

- “Kế toán tài chính”, (2018), Khoa Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB Kinh tế TP.HCM.
- PGS. TS. Võ Văn Nhị, giới thiệu “Chế độ kế toán DN Việt Nam”, NXB Tài chính, (2018).
- Bộ môn “Kế toán tài chính”, Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM (2019). Tài liệu học tập “Kế toán tài chính 1,2,3”, NXB Kinh tế TP.HCM.
- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam: VAS – Vietnamese accounting standards.
- Chuẩn mực Hàng tồn kho VAS 02; Chuẩn mực doanh thu, thu nhập khác VAS 14.
- Chế độ Kế toán Việt Nam: TT 200/2014/TT-BTC.
- Website: <http://www/danketuan.com>; Website: <http://www/ketuanthucte.com.vn>; Website: <http://www/gdt.gov.vn>,...